

**BỘ TƯ PHÁP**

Số: 37/4/BTP- BTTP

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị  
định hướng dẫn thi hành Luật  
Trọng tài thương mại.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2010

Kính gửi:

Luật Trọng tài thương mại đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/6/2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011. Để triển khai thi hành Luật, Bộ Tư pháp được Chính phủ phân công chủ trì soạn thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại.

Trong thời gian qua, Ban soạn thảo và Tổ biên tập đã tổ chức các cuộc họp nhằm thảo luận và thống nhất định hướng xây dựng Nghị định, tổ chức 02 cuộc Hội thảo lấy ý kiến đóng góp về dự thảo Nghị định. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Tổ biên tập đã nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Nghị định.

Để hoàn chỉnh dự thảo Nghị định trước khi trình Chính phủ xem xét, ban hành, Bộ Tư pháp đề nghị Quý cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến về nội dung dự thảo Nghị định. Văn bản góp ý xin gửi về Bộ Tư pháp (Vụ Bộ trợ tư pháp) số 58-60 Trần Phú, Hà Nội, qua thư điện tử: [anhntt@moj.gov.vn](mailto:anhntt@moj.gov.vn) trước ngày 30/10/2010. Mọi chi tiết xin liên hệ đ/c Nguyễn Thị Tú Anh, Vụ Bộ trợ tư pháp, ĐT: 04-38430950, 0989647552.

Bộ Tư pháp rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị. *HUY*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Đức Chính (để biết);
- Lưu: VT; Vụ BTTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC****Hoàng Thế Liên**

Số: /TTr-BTP  
Dự thảo 15/10/2010

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2010

**TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ****Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành  
Luật Trọng tài thương mại**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật Trọng tài thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011. Để triển khai thi hành Luật Trọng tài thương mại, thực hiện Chương trình công tác năm 2010 của Chính phủ, Bộ Tư pháp được Chính phủ giao chủ trì soạn thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại. Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định. Bộ Tư pháp xin trình Chính phủ dự thảo Nghị định này với các nội dung như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Luật Trọng tài thương mại có một số điều giao Chính phủ quy định cụ thể những vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động trọng tài (Điều 15, 24, 29 và 79 Luật TTTM). Ngoài ra, theo quy định tại Điều 82 Luật TTTM, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Chính phủ hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Vì vậy, Nghị định của Chính phủ cần quy định hướng dẫn thực hiện một số vấn đề mà Luật Trọng tài thương mại chưa quy định hoặc thể hiện chưa rõ nhằm đảm bảo áp dụng thống nhất, hiệu quả các quy định mới về trọng tài thương mại trong phạm vi toàn quốc, ví dụ: việc công bố danh sách Trọng tài viên của các tổ chức trọng tài hoạt động tại Việt Nam; tên của tổ chức trọng tài; việc thành lập, hoạt động, chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; việc thi hành các quyết định của Hội đồng trọng tài v.v.

Với lý do nêu trên, việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Trọng tài thương mại là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo thi hành hiệu quả Luật này.

**II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Nghiên cứu, hướng dẫn 04 điều Luật Trọng tài thương mại giao Chính phủ quy định hướng dẫn**

- Điều 15: Quản lý nhà nước về trọng tài;
- Điều 24: Điều kiện và thủ tục thành lập Trung tâm trọng tài;
- Điều 29: Chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài;
- Điều 79: Hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

**2. Nghiên cứu, hướng dẫn một số vấn đề khác mà Luật Trọng tài thương mại chưa có quy định hoặc thể hiện chưa rõ nhằm giải quyết vướng mắc từ thực tiễn, đảm bảo tính linh hoạt, hiệu quả hoạt động của trọng tài thương mại và nâng cao khả năng thi hành phán quyết trọng tài. Ví dụ:**

- Tên gọi của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài;
- Địa vị pháp lý và cơ cấu tổ chức, hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam;
- Lệ phí cấp Giấy phép, thay đổi nội dung Giấy phép, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của Trung tâm trọng tài, của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.
- Việc thi hành các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyết định thay đổi, áp dụng bổ sung, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài.

### III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ ĐỊNH

Ngày 23/6/2010, Bộ Tư pháp đã ban hành quyết định thành lập Ban soạn thảo (9 thành viên) và Tổ biên tập (11 thành viên) gồm đại diện của các cơ quan liên quan như: Văn phòng Chính phủ, Bộ Công thương, Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và một số cơ quan, đơn vị có liên quan. Trưởng Ban Soạn thảo là đ/c Nguyễn Đức Chính- Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

Trong thời gian qua, Thường trực Tổ biên tập đã khẩn trương nghiên cứu, soạn thảo Đề cương chi tiết của dự thảo Nghị định; ngày 18/8/2010 Ban Soạn thảo tổ chức phiên họp thứ nhất cho ý kiến về định hướng xây dựng Nghị định. Thường trực Tổ biên tập đã chủ động nghiên cứu, soạn thảo Nghị định và tổ chức



02 cuộc Hội thảo lấy ý kiến về dự thảo Nghị định (khu vực phía Bắc tại Hà Nội ngày 6/9, khu vực phía Nam tại TP HCM ngày 9/9).

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Ban soạn thảo và các ý kiến trao đổi tại hội thảo, Thường trực Tổ biên tập đã nghiên cứu và chỉnh lý Dự thảo Nghị định. Đến nay, Dự thảo Nghị định được gửi lấy ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Trung tâm trọng tài trong cả nước và một số cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Ngày tháng 11 năm 2010, Hội đồng thẩm định liên ngành tổ chức cuộc họp thẩm định Dự thảo Nghị định. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, địa phương, ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp hoàn chỉnh dự thảo Nghị định, trình Chính phủ xem xét, ban hành.

#### **IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định gồm có 5 Chương và 34 điều, được cơ cấu như sau:

- *Chương I. Quy định chung:* gồm 5 điều;
- *Chương II. Trung tâm trọng tài:* 16 điều;
- *Chương III. Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam:* 8 điều;
- *Chương IV. Thi hành quyết định của Hội đồng trọng tài:* 3 điều;
- *Chương V. Điều khoản thi hành:* 2 điều.

Bộ Tư pháp xin báo cáo về những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định như sau:

##### **1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định**

Theo định hướng của Ban Soạn thảo và đa số ý kiến tại hội thảo đều nhất trí với phạm vi điều chỉnh của Nghị định (Điều 1 dự thảo): chủ yếu quy định về các trình tự, thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức trọng tài; không hướng dẫn về tổ tụng trọng tài.

Tiếp thu các ý kiến nêu trên, dự thảo Nghị định tập trung làm rõ những vấn đề mà Luật Trọng tài thương mại giao cho Chính phủ quy định hướng dẫn (Điều 15, 24, 29 và Điều 79 Luật TTTM). Do vậy, Nghị định này điều chỉnh các nội dung sau đây: về trình tự, thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài; việc thành lập và hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài; thủ tục thành

lập, hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài; việc thi hành các quyết định của trọng tài; quản lý nhà nước về trọng tài.

*Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài*, dự thảo Nghị định không có quy định hướng dẫn, tuy nhiên cần lấy thêm ý kiến để làm rõ phương án xử lý về vấn đề này. Bởi vì, phạm vi thẩm quyền là vấn đề có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của hoạt động trọng tài; cần phân định rõ với thẩm quyền của tòa án. Để đảm bảo thực thi hiệu quả quy định của Luật TTTM, trong trường hợp cần thiết thì Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao nghiên cứu, xây dựng để ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn vấn đề này.

## **2. Trung tâm trọng tài**

Chương II chủ yếu hướng dẫn về trình tự, thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động, chấm dứt và thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài đối với các điều, khoản mà Luật TTTM giao cho Chính phủ hướng dẫn hoặc những điều, khoản Luật TTTM chưa quy định cụ thể.

Điều 6 và 6b Dự thảo quy định về cách thức đặt tên của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài; Điều 7 Dự thảo quy định về Điều lệ của Trung tâm trọng tài (hướng dẫn điểm b Điều 24 Luật TTTM); Điều 8 quy định về thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài (hướng dẫn Điều 25 Luật TTTM); Điều 10,11,12 hướng dẫn thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài ở trong nước và ở nước ngoài (hướng dẫn khoản 3 Điều 27 Luật TTTM); Điều 14 và 15 quy định các trường hợp, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; Điều 16 quy định thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài (hướng dẫn Điều 29 Luật TTTM).

Tiếp thu ý kiến của các đại biểu tại Hội thảo, Tổ biên tập đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung các quy định của Chương II dự thảo Nghị định (Điều 7,8, 15, 23) nhằm hướng dẫn rõ hơn về tên gọi, Điều lệ của Trung tâm trọng tài, các trường hợp thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động; đồng thời quy định rõ hơn về thủ tục thành lập, lệ phí đối với Chi nhánh, văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài.

## **3. Tổ chức trọng tài nước ngoài hoạt động tại Việt Nam**

Chương III chủ yếu hướng dẫn về trình tự, thủ tục thành lập, đăng ký, chấm dứt và thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (hướng dẫn Điều 79 Luật TTTM).



Tiếp thu các ý kiến đóng góp tại Hội thảo, Tổ biên tập đã chỉnh lý, bổ sung các quy định của chương này theo hướng minh bạch hóa các thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp Giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, nhằm đảm bảo nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa các tổ chức trọng tài trong nước và tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam có phạm vi hoạt động giống như các tổ chức trọng tài trong nước.

#### **4. Thi hành quyết định của Hội đồng trọng tài**

Để đảm bảo việc thi hành các quyết định, phán quyết của trọng tài, Điều 21 dự thảo Nghị định hướng dẫn khoản 5 Điều 50 Luật trọng tài thương mại về việc thi hành các quyết định của Hội đồng trọng tài. Hiện nay, pháp luật thi hành án dân sự nói chung, Luật Thi hành án dân sự năm 2008 nói riêng chưa có điều khoản nào đề cập đến các quyết định của Hội đồng trọng tài. Do vậy, không thể áp dụng trực tiếp quy định của Luật Thi hành án dân sự về vấn đề này. Tuy nhiên, trình tự, thủ tục thi hành quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyết định thay đổi áp dụng, bổ sung, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài về nguyên tắc có thể được thực hiện giống như việc thi hành các quyết định tương tự của Tòa án (Điều 130 đến Điều 134 của Luật Thi hành án dân sự).

Ngoài ra, dự thảo Nghị định còn quy định về thời hiệu thi hành phán quyết trọng tài, phí thi hành quyết định trọng tài đảm bảo phù hợp với pháp luật về thi hành án dân sự.

#### **5. Quản lý nhà nước**

Dự thảo Nghị định quy định Nhà nước khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng trọng tài (Điều 3), quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp (Điều 4), nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp (Điều 6) nhằm nâng cao tính chủ động của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình theo dõi, quản lý tổ chức, hoạt động trọng tài.

Sau khi nghiên cứu các ý kiến đóng góp, Tổ biên tập đã tiếp thu, chỉnh lý và thể hiện rõ hơn trong dự thảo Nghị định về nhiệm vụ của Bộ Tư pháp (lập và công bố danh sách trọng tài viên); bỏ quy định về bồi dưỡng trọng tài có thu phí phải báo cáo Bộ Tư pháp vì không thực sự phù hợp với thực tiễn hoạt động của Trung tâm trọng tài.

## V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Đa số ý kiến nhất trí với định hướng và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định, tuy nhiên, cũng còn một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau, cụ thể như sau:

### 1. Về phạm vi điều chỉnh của Nghị định

Dự thảo Nghị định được soạn thảo theo hướng chỉ tập trung điều chỉnh những vấn đề mà Luật Trọng tài thương mại giao cho Chính phủ hướng dẫn, liên quan chủ yếu đến việc thành lập, đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động của tổ chức trọng tài; không hướng dẫn về tổ tụng trọng tài vì về cơ bản đã được Luật quy định tương đối rõ và đầy đủ.

Tuy nhiên, vẫn có ý kiến đề nghị Ban soạn thảo, Tổ biên tập nghiên cứu thêm, cân nhắc để hướng dẫn rõ hơn về thẩm quyền của trọng tài và một số vấn đề khác.

### 2. Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài

Đa số ý kiến tại Hội thảo đề nghị giải thích rõ Điều 2 Luật Trọng tài thương mại để thuận tiện cho những người thực hiện pháp luật. Một số ý kiến khác cho rằng có thể áp dụng trực tiếp mà không cần hướng dẫn trong Nghị định này.

Bộ Tư pháp thấy rằng thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của trọng tài là một trong những vấn đề khó và đã được tranh luận khá nhiều trong quá trình xây dựng Luật Trọng tài thương mại. Việc phân định thẩm quyền giữa trọng tài và tòa án là vấn đề rất phức tạp, vượt ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Nghị định của Chính phủ. Mặt khác, nếu hướng dẫn quy định tại Điều 2 Luật TTTM theo cách liệt kê cụ thể các dạng tranh chấp thì sẽ không thể đầy đủ trên thực tế. Vì vậy, Bộ Tư pháp dự kiến vấn đề này sẽ được hướng dẫn trong Thông tư liên tịch giữa Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp; không nên quy định trong dự thảo Nghị định này.

### 3. Về cơ chế tài chính của tổ chức trọng tài, lệ phí liên quan đến hoạt động trọng tài

- Trung tâm trọng tài hoạt động không vì mục đích lợi nhuận (Điều 27 khoản 2 Luật TTTM) nhưng trên thực tế có thu phí trọng tài và chi phí thực hiện các dịch vụ khác. Do vậy, có ý kiến cho rằng Trung tâm trọng tài cũng phải thực hiện nghĩa vụ về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật. Song hiện nay pháp luật chưa có quy định rõ về mô hình này cũng như chế độ thuế, tài chính của Trung tâm trọng tài.

- Dự thảo Nghị định có 03 Điều quy định về lệ phí cấp Giấy phép, thay đổi nội dung, đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài. Hiện còn có 02 phương án xử lý vấn đề này:

*Phương án 1:* Quy định các khoản lệ phí trong Nghị định này để triển khai đồng bộ các quy định của Luật Trọng tài thương mại, không phải chờ Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về lệ phí trong hoạt động trọng tài.

*Phương án 2:* Các khoản lệ phí trong hoạt động trọng tài sẽ được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính theo thẩm quyền quản lý nhà nước về phí, lệ phí.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

**BỘ TRƯỞNG**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Thứ trưởng Nguyễn Đức Chính (để biết);
- Lưu: VT, Vụ BTTP.

**Hà Hùng Cường**



**NGHỊ ĐỊNH**  
**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**  
**Luật Trọng tài thương mại**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Căn cứ Luật Trọng tài thương mại ngày 17 tháng 6 năm 2010;  
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại về trình tự, thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài, thi hành quyết định của Hội đồng trọng tài và quản lý nhà nước về trọng tài.

**Điều 2. Khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng trọng tài**

Nhà nước khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo quy định của Luật trọng tài thương mại và Nghị định này, tạo điều kiện phát triển hoạt động trọng tài thương mại phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư Pháp (hướng dẫn Điều 15 khoản 2 Luật TTMT)**

Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trọng tài, có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức, hoạt động trọng tài; hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về trọng tài.

2. Tổ chức cấp, thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài; cấp, thu hồi Giấy phép thành lập của *Chi nhánh*, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài theo quy định tại Nghị định này.

3. *Phê chuẩn Điều lệ của Trung tâm trọng tài.*

4. Công bố danh sách Trọng tài viên của các Tổ chức trọng tài hoạt động tại Việt Nam.

5. *Tổ chức, hướng dẫn* tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trọng tài.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trọng tài.

7. Hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ trọng tài viên.

8. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về Trọng tài *theo thẩm quyền.*

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến trọng tài theo quy định của pháp luật.

10. Ban hành các biểu mẫu: Điều lệ của Trung tâm trọng tài, Đơn đề nghị thành lập, Đơn đăng ký hoạt động, Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động; báo cáo định kỳ.

#### **Điều 4. Trình tự, thủ tục công bố danh sách trọng tài viên**

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam gửi danh sách trọng tài viên cho Bộ Tư pháp để tiến hành thủ tục công bố.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được danh sách trọng tài viên đầy đủ và hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố danh sách trọng tài viên trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

3. Danh sách trọng tài viên được cập nhật hàng tháng hoặc theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng.

#### **Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp (hướng dẫn Điều 15 Luật TTTM)**

Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giúp Bộ Tư pháp thực hiện quản lý về trọng tài tại địa phương, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, *thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam*; đăng ký hoạt động, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của Trung tâm Trọng tài.

2. Cập nhật thông tin về Trung tâm Trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

3. Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động, việc lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm Trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trọng tài.

5. Kiểm tra về tổ chức, hoạt động của Trung tâm Trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm Trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam theo thẩm quyền.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trọng tài theo quy định của pháp luật.

7. Báo cáo về tổ chức, hoạt động của Trung tâm Trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm Trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam theo định kỳ hàng năm và trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

## **Chương II** **TRUNG TÂM TRỌNG TÀI**

**Điều 6. Tên của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm Trọng tài**

1. Tên của Trung tâm trọng tài do các sáng lập viên thỏa thuận lựa chọn, nhưng phải bao gồm cụm từ "Trung tâm trọng tài" và bảo đảm không trùng, không gây nhầm lẫn với tên của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập trừ trường hợp những Trung tâm trọng tài đã bị thu hồi Giấy phép thành lập hoặc chấm dứt hoạt động, không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.



2. Tên của Chi nhánh của Trung tâm trọng tài phải bao gồm cụm từ "Chi nhánh" và tên của Trung tâm trọng tài.

3. Tên của Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài phải bao gồm cụm từ "Văn phòng đại diện" và tên của Trung tâm trọng tài.

4. Trung tâm Trọng tài có thể có tên giao dịch. Trung tâm trọng tài có thể có biểu tượng, nhưng không được sử dụng Quốc kỳ, Đảng kỳ, Quốc huy, hình ảnh lãnh tụ, hình ảnh đồng tiền Việt Nam làm biểu tượng của mình.

### ***Điều 7. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn***

1. Tên trùng là trường hợp tên của Trung tâm trọng tài yêu cầu cấp Giấy phép thành lập được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập.

2. Các trường hợp sau đây được coi là gây nhầm lẫn với tên của Trung tâm trọng tài khác:

a) Tên bằng tiếng Việt của Trung tâm trọng tài yêu cầu cấp Giấy phép thành lập được đọc giống như tên của Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập;

b) Tên bằng tiếng Việt của của Trung tâm trọng tài yêu cầu cấp Giấy phép thành lập chỉ khác tên của Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập bởi ký hiệu "&"; ký hiệu "-"; chữ "và";

c) Tên viết tắt của của Trung tâm trọng tài yêu cầu cấp Giấy phép thành lập trùng với tên viết tắt của của Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập;

d) Tên bằng tiếng nước ngoài của Trung tâm trọng tài yêu cầu cấp Giấy phép thành lập trùng với tên bằng tiếng nước ngoài Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập;

đ) Tên riêng của Trung tâm trọng tài yêu cầu cấp Giấy phép thành lập khác với tên riêng của Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập bởi một hoặc một số số tự nhiên, số thứ tự hoặc một số chữ cái tiếng Việt (A, B, C...) ngay sau tên riêng của Trung tâm trọng tài đó;

e) Tên riêng của Trung tâm trọng tài yêu cầu cấp Giấy phép thành lập khác với tên riêng Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập bởi từ "tân" ngay trước, hoặc "mới" ngay sau tên của Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập;

g) Tên riêng của Trung tâm trọng tài yêu cầu cấp Giấy phép thành lập chỉ khác tên riêng của Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập bởi các

từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự;

h) Tên riêng của Trung tâm trọng tài yêu cầu cấp Giấy phép thành lập trùng với tên riêng Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập.

3. Các trường hợp trùng tên và gây nhầm lẫn khác theo quy định của pháp luật sở hữu công nghiệp.

### **Điều 8. Điều lệ của Trung tâm trọng tài**

Điều lệ của Trung tâm trọng tài bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên của Trung tâm trọng tài; tên giao dịch, tên viết tắt, tên nước ngoài của Trung tâm trọng tài (nếu có).
2. Trụ sở chính, Chi nhánh, Văn phòng đại diện.
3. Lĩnh vực, mục tiêu hoạt động.
4. Thời gian hoạt động.
5. Quyền và nghĩa vụ của *Chủ tịch, Tổng thư ký và các chức danh khác* của Trung tâm trọng tài; danh sách các sáng lập viên; phương thức thay đổi, bổ sung các chức danh lãnh đạo, sáng lập viên của Trung tâm trọng tài.
6. *Điều kiện kết nạp trọng tài viên*; quyền và nghĩa vụ của trọng tài viên.
7. Vốn điều lệ, vốn vay và các nguồn vốn khác.
8. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Trung tâm trọng tài, tổ chức lại và giải thể, cơ chế giải quyết tranh chấp.
9. Chế độ tài chính.
10. Điều kiện thông qua điều lệ.
11. Chế độ lưu trữ hồ sơ, tài liệu.
12. Những nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 9. Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài** (hướng dẫn Điều 25 Luật TTTM)

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động gồm 01 bộ giấy tờ sau đây:
  - a) Đơn đăng ký hoạt động, trong đó ghi rõ địa điểm dự định đặt trụ sở của Trung tâm Trọng tài;
  - b) Bản sao Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài;
  - c) Bản sao Điều lệ Trung tâm Trọng tài;

d) Danh sách Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài.

2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm Trọng tài.

3. Sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động, Trung tâm Trọng tài thực hiện việc đăng báo theo quy định tại Điều 26 Luật Trọng tài thương mại và khắc con dấu theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Trọng tài chỉ được hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động.

#### **Điều 10. Chi nhánh của Trung tâm trọng tài**

1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm Trọng tài, *được thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Trung tâm Trọng tài*. Hoạt động của Chi nhánh phải phù hợp với lĩnh vực hoạt động ghi trong Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài.

2. Trung tâm trọng tài phải chịu trách nhiệm về hoạt động của Chi nhánh. Trung tâm Trọng tài cử một Trọng tài viên làm Trưởng Chi nhánh.

#### **Điều 11. Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thành lập Chi nhánh, Trung tâm Trọng tài phải đăng ký hoạt động của Chi nhánh tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đặt Chi nhánh.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động của Chi nhánh gồm một bộ giấy tờ sau đây:

- a) Đơn đăng ký hoạt động;
- b) Giấy tờ chứng minh về trụ sở;
- c) Bản sao Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài;
- d) Quyết định của Trung tâm Trọng tài về việc cử Trưởng Chi nhánh;
- e) Danh sách Trọng tài viên của Chi nhánh.

3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày Chi nhánh được cấp Giấy phép đăng ký hoạt động, Trung tâm Trọng tài phải thông báo bằng văn bản về việc lập Chi nhánh của Trung tâm trọng tài cho Bộ Tư pháp.

Trong trường hợp Trung tâm Trọng tài lập Chi nhánh ở ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở, thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày Chi nhánh được cấp Giấy đăng ký hoạt động, Trung tâm Trọng tài thông báo bằng văn bản về việc lập Chi nhánh cho Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở.



4. Chi nhánh của Trung tâm Trọng tài được sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày Chi nhánh được cấp Giấy đăng ký hoạt động, Trung tâm Trọng tài phải đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc địa phương, nơi đăng ký hoạt động của Chi nhánh trong ba số liên tiếp về việc thành lập Chi nhánh.

## **Điều 12. Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh**

1. Khi có thay đổi về tên gọi, lĩnh vực hoạt động, Trung tâm Trọng tài phải làm đơn xin thay đổi nội dung Giấy phép thành lập gửi tới Bộ Tư pháp; *trong đơn nêu rõ lý do, nội dung thay đổi và gửi kèm theo giấy tờ liên quan đến việc thay đổi (nếu có).*

2. Trong thời hạn mười lăm ngày *làm việc*, kể từ ngày nhận được đơn xin phép của Trung tâm Trọng tài, Bộ Tư pháp có văn bản trả lời chấp thuận hay không chấp thuận nội dung xin thay đổi; nếu không chấp thuận phải thông báo rõ lý do.

3. Trong thời hạn mười lăm ngày *làm việc*, kể từ ngày văn bản chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép có hiệu lực, Trung tâm Trọng tài phải đăng ký việc thay đổi tại Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đăng ký hoạt động. Sở Tư pháp nơi đăng ký việc thay đổi thực hiện ghi nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm.

4. Trung tâm Trọng tài thay đổi Chủ tịch Trung tâm, địa điểm đặt trụ sở hoặc danh sách Trọng tài viên, thì trong thời hạn bảy ngày *làm việc*, kể từ ngày thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đăng ký hoạt động.

5. Trường hợp thay đổi trụ sở của Chi nhánh của Trung tâm trọng tài trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì Chi nhánh phải thông báo bằng văn bản với Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động trong thời hạn mười ngày *làm việc*, kể từ ngày quyết định thay đổi.

6. Trường hợp thay đổi Trưởng Chi nhánh, danh sách trọng tài viên thì Chi nhánh của Trung tâm trọng tài phải thông báo bằng văn bản với Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động và gửi kèm theo Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh trong thời hạn mười ngày *làm việc*, kể từ ngày quyết định thay đổi. Sở Tư pháp nơi đăng ký việc thay đổi thực hiện ghi nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh.

**Điều 13. Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài (hướng dẫn khoản 3 Điều 27 Luật TTTM)**

1. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm Trọng tài, được thành lập *nhằm tìm kiếm, thúc đẩy cơ hội hoạt động trọng tài*, đại diện cho Trung tâm trọng tài trong các giao dịch của Trung tâm. Văn phòng đại diện có Trưởng văn phòng đại diện.

2. Trung tâm Trọng tài phải chịu trách nhiệm về hoạt động của Văn phòng đại diện.

3. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày thành lập văn phòng đại diện, Trung tâm Trọng tài phải thông báo bằng văn bản về việc thành lập văn phòng đại diện cho Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở và Sở Tư pháp, nơi đặt văn phòng đại diện trong trường hợp lập văn phòng đại diện ở ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 14. Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài được thành lập ở nước ngoài**

1. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài ở nước ngoài, Trung tâm trọng tài phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động của Trung tâm.

2. Khi chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở nước ngoài thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hoạt động, Trung tâm trọng tài phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi Trung tâm đăng ký hoạt động.

**Điều 15. Các trường hợp thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Trung Tâm trọng tài**

1. Trung tâm trọng tài bị thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Trung tâm trọng tài có hành vi vi phạm đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà tái phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định sử dụng Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động;

b) *Trung tâm trọng tài không hoạt động theo quy định pháp luật trong thời gian 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập.*

2. Chi nhánh của Trung tâm trọng tài bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong các trường hợp sau:

a) *Khi Trung tâm trọng tài bị thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này;*



b) Thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

**Điều 16. Thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh (hướng dẫn Điều 29 Luật TTTM)**

1. Khi có đủ căn cứ theo quy định về các trường hợp thu hồi Giấy phép thành lập, Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi Giấy phép thành lập, Trung tâm trọng tài phải nộp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài cho Bộ tư pháp.

2. Sở Tư pháp, nơi cấp Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh thực hiện việc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Bộ Tư pháp, Trung tâm trọng tài phải nộp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh cho Sở Tư pháp nơi cấp Giấy đăng ký hoạt động.

**Điều 17. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài (hướng dẫn Điều 29 Luật TTTM)**

1. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều lệ của Trung tâm Trọng tài, thì chậm nhất là ba mươi ngày trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, Trung tâm trọng tài phải thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động cho Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp, nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động; đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc báo địa phương, nơi đăng ký hoạt động trong ba số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm Trọng tài.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, Trung tâm trọng tài phải thanh toán xong các khoản nợ và hoàn tất các vụ việc đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày làm việc hoàn tất các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này, Trung tâm trọng tài báo cáo bằng văn bản về việc hoàn tất các thủ tục đó cho Bộ Tư pháp.

Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trung tâm Trọng tài, Bộ Tư pháp ra Quyết định về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm. Trung tâm trọng tài nộp lại Giấy phép thành lập cho Bộ Tư pháp, Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp, nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 18. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài trong trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập**



1. Trong trường hợp Trung tâm Trọng tài bị thu hồi Giấy phép thành lập, thì trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày có Quyết định về việc thu hồi Giấy phép thành lập, Trung tâm Trọng tài phải thanh toán xong các khoản nợ và hoàn tất các vụ việc đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày có Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập, Trung tâm trọng tài phải đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc báo địa phương, nơi đăng ký hoạt động trong ba số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài.

3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất các thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này, Trung tâm trọng tài báo cáo bằng văn bản về việc hoàn tất các thủ tục nói trên cho Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đăng ký hoạt động; nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 19. Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài**

1. Chi nhánh của Trung tâm trọng tài chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của Trung tâm trọng tài;

b) Trung tâm trọng tài tự chấm dứt hoạt động;

c) Bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh do vi phạm nghiêm trọng các quy định của Luật Trọng tài thương mại và của Nghị định này.

2. *Chậm nhất là ba mươi ngày trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động của Chi nhánh*, Trung tâm Trọng tài thành lập Chi nhánh phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của Trung tâm Trọng tài và Sở Tư pháp, nơi đặt Chi nhánh về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh.

*Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ thời điểm chấm dứt hoạt động*, Trung tâm Trọng tài phải nộp lại Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh cho Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động của Chi nhánh; nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền; đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc địa phương, nơi đăng ký hoạt động của Chi nhánh trong ba số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh.

3. Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của Trung tâm Trọng tài. *Chậm nhất mười ngày làm việc trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện*, Trung tâm Trọng tài phải thông báo về việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện cho Sở Tư pháp, nơi Trung tâm Trọng tài đặt trụ sở và Sở Tư pháp, nơi đặt Văn phòng đại diện.

**Điều 20. Lệ phí cấp Giấy phép, thay đổi nội dung Giấy phép, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài**

Khi nộp hồ sơ đề nghị thành lập, thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm Trọng tài, đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài, người nộp hồ sơ phải nộp lệ phí theo mức sau đây:

1. Lệ phí cấp Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài:
  - a) Cấp mới: 2.000.000đồng/giấy phép
  - b) Cấp đổi, cấp lại: 1.500.000đ/giấy phép
2. Lệ phí thay đổi nội dung Giấy phép thành lập: 500.000đồng/*lần thay đổi*.
3. Lệ phí đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài, Chi nhánh:
  - a) Cấp mới: 800.000đ/giấy đăng ký
  - b) Cấp lại : 500.000đồng/giấy đăng ký

**Điều 21. Quản lý và sử dụng lệ phí**

Việc quản lý, sử dụng lệ phí cấp Giấy phép, thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài, đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm Trọng tài được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Chương III  
CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA  
TỔ CHỨC TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

**Điều 22. Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam**

1. Tổ chức Trọng tài nước ngoài muốn thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam phải có hồ sơ thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện gửi Bộ Tư pháp. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và lệ phí, Bộ Tư pháp xem xét cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản.

Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hồ sơ thành lập Chi nhánh gồm *một bộ giấy tờ sau đây*:



a) Đơn đề nghị thành lập Chi nhánh bằng tiếng Việt (theo mẫu của Bộ Tư pháp);

b) Bản sao giấy tờ chứng minh việc thành lập hợp pháp của Tổ chức Trọng tài nước ngoài do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

c) Bản giới thiệu về hoạt động của Tổ chức trọng tài nước ngoài;

d) Quyết định cử trọng tài viên làm Trưởng Chi nhánh;

đ) Danh sách trọng tài viên, nhân viên dự kiến làm việc tại Chi nhánh.

3. Hồ sơ thành lập Văn phòng đại diện gồm *một bộ giấy tờ sau đây*:

a) Đơn đề nghị thành lập Văn phòng đại diện bằng tiếng Việt (theo mẫu của Bộ Tư pháp);

b) Bản sao giấy tờ chứng minh việc thành lập hợp pháp của Tổ chức Trọng tài nước ngoài do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

c) Bản giới thiệu về hoạt động của Tổ chức trọng tài nước ngoài;

d) Quyết định cử Trưởng văn phòng đại diện;

đ) Danh sách người nước ngoài, nhân viên Việt Nam dự kiến làm việc tại Văn phòng đại diện.

4. Các giấy tờ quy định tại điểm b và d khoản 2, điểm b và d khoản 3 Điều này được lập bằng tiếng nước nơi Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập và phải dịch ra tiếng Việt, được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước sở tại chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 23. Đăng ký hoạt động Chi nhánh, thông báo việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam**

1. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, Chi nhánh của Tổ chức Trọng tài nước ngoài phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đặt trụ sở Chi nhánh.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động gồm *một bộ giấy tờ sau đây*:

a) Đơn đăng ký hoạt động;

b) Giấy tờ chứng minh về trụ sở;

c) Bản sao Giấy phép thành lập Chi nhánh;

d) Bản sao quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài về việc cử Trưởng Chi nhánh;

e) Danh sách Trọng tài viên của Chi nhánh.

3. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và lệ phí, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh. Chi nhánh được hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động.

4. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài phải thông báo bằng văn bản về việc thành lập văn phòng đại diện cho Sở Tư pháp, nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện.

#### **Điều 24. Tên Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài**

1. Tên Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài phải bao gồm cụm từ “Chi nhánh” và tên của Tổ chức trọng tài nước ngoài.

2. Tên của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài phải bao gồm cụm từ “Văn phòng đại diện” và tên của Tổ chức trọng tài nước ngoài.

3. Tên Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài phải đảm bảo phù hợp với quy định về cách đặt tên nêu tại khoản 1, khoản 4 Điều 6 và Điều 6b Nghị định này.

#### **Điều 25. Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam**

1. Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam thay đổi một trong các nội dung sau đây của Giấy phép thành lập thì phải làm đơn gửi Bộ Tư pháp và chi được thay đổi khi có sự chấp thuận của Bộ Tư pháp:

- a) Tên Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài;
- b) Chuyển trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác;
- c) Trưởng Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài;
- d) Lĩnh vực hành nghề của Chi nhánh.

Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thay đổi, Bộ Tư pháp xem xét và ra văn bản chấp thuận; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản.



2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài thì Chi nhánh, Văn phòng đại diện phải đăng ký việc thay đổi tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đặt trụ sở; trường hợp thay đổi trụ sở quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì còn phải thông báo bằng văn bản với Sở Tư pháp ở địa phương nơi đặt trụ sở cũ.

Sở Tư pháp nơi đăng ký việc thay đổi thực hiện ghi nội dung thay đổi nêu tại khoản 1 Điều này vào Giấy đăng ký hoạt động.

3. Trường hợp thay đổi trụ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài phải thông báo bằng văn bản với Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi.

4. Trường hợp thay đổi danh sách trọng tài viên thì Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi.

#### **Điều 26. Thi hành phán quyết của trọng tài trọng tài nước ngoài tại Việt Nam**

Việc thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài.

#### **Điều 27. Lệ phí cấp phép, thay đổi nội dung Giấy phép, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài**

Khi nộp hồ sơ đề nghị thành lập, thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài, đăng ký hoạt động của Chi nhánh, người nộp hồ sơ phải nộp lệ phí theo mức sau đây:

1. Lệ phí cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh:
  - a) Cấp mới: 3.000.000 đồng/một giấy phép
  - b) Cấp đổi, cấp lại: 1.500.000đồng/giấy phép
2. Lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện:
  - a) Cấp mới: 2.000.000đồng/giấy phép;
  - b) Cấp đổi, cấp lại: 1.500.000đồng/giấy phép;
3. Lệ phí thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện: 1.000.000 đồng/*lần thay đổi*;
- 4. Lệ phí cấp Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh:

a) Cấp mới: 1.500.000đồng/giấy đăng ký

b) Cấp đổi, cấp lại: 1000.000đồng/giấy đăng ký

5. Lệ phí thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh: 1.000.000đồng/lần thay đổi.

**Điều 28. Các trường hợp thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (hướng dẫn Điều 29 Luật TTTM)**

Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam bị thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động trong trường hợp sau đây:

1. Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài;

2. Có hành vi vi phạm đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà tái phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định sử dụng Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động.

3. Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài không hoạt động theo quy định pháp luật trong thời gian 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập.

**Điều 29. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam**

1. Khi có đủ căn cứ theo quy định về các trường hợp thu hồi Giấy phép thành lập, trong thời hạn ba mươi ngày kể từ khi Bộ Tư pháp có quyết định thu hồi Giấy phép thành lập, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam phải nộp lại giấy phép cho Bộ Tư pháp.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ khi Sở Tư pháp, nơi cấp Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài phải nộp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp nơi cấp Giấy đăng ký hoạt động.

**Điều 30. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.**

1. Trong trường hợp tự chấm dứt hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này, chậm nhất là 30 ngày trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động cho Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp của địa phương nơi đặt trụ sở.



Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Tư pháp ra quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Trước thời điểm chấm dứt hoạt động, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam phải thanh toán xong các khoản nợ, hoàn tất các vụ việc đã nhận (đối với Chi nhánh), trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trong trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập thì chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày có quyết định của Bộ Tư pháp về việc chấm dứt hoạt động hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức thu hồi Giấy phép, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở về việc hoàn tất thủ tục nói trên; nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền cấp và đăng ký việc sử dụng con dấu, phải thanh toán xong các khoản nợ, hoàn tất các vụ việc đã nhận (đối với Chi nhánh), trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

#### **Chương IV** **THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI** **VÀ PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

##### **Điều 31. Thi hành các quyết định của Hội đồng trọng tài**

Việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyết định thay đổi, áp dụng bổ sung, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài được thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự về thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án.

##### **Điều 32. Thời hiệu yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài**

Thời hiệu yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài được xác định như sau:

1. Năm năm kể từ ngày hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài ghi trong phán quyết của Hội đồng trọng tài quy định tại Điều 61 Luật Trọng tài thương mại.

2. Năm năm kể từ ngày phán quyết của Trọng tài vụ việc được đăng ký theo quy định tại Điều 62 Luật Trọng tài thương mại.

##### **Điều 33. Phí thi hành phán quyết trọng tài**

Bên được thi hành phán quyết trọng tài phải nộp phí thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 34. Quy định chuyển tiếp**

1. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, các Trung tâm Trọng tài được thành lập trước ngày Luật Trọng tài thương mại có hiệu lực phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy tắc tố tụng trọng tài cho phù hợp với quy định của Luật Trọng tài thương mại. Điều lệ sửa đổi, bổ sung phải được Bộ Tư pháp phê chuẩn.

Hồ sơ xin phê chuẩn Điều lệ sửa đổi, bổ sung gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Đơn đề nghị phê chuẩn Điều lệ sửa đổi, bổ sung;
- b) Bản sao Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài hoặc Quyết định phê chuẩn Điều lệ Trung tâm Trọng tài;
- c) Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp phê chuẩn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Trung tâm Trọng tài.

**Điều 35. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .....tháng.... năm .....

Nghị định số 25/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Trọng tài thương mại hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**